

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 217/2020/HC-PT

Ngày 22 - 6 - 2020

V/v: Khiếu kiện quyết định giải quyết
khiếu nại khi thu hồi đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Vân;

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Long;

Ông Vũ Ngọc Huynh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 384/2019/TLPT-HC ngày 11 tháng 6 năm 2019 về việc: “Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại khi thu hồi đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2019/HC-ST ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 972/2020/QĐPT-HC ngày 01 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Võ A, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Tân Phú, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Nguyễn Châu H - Luật sư Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- Bà Lê Thị Công D - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

2. Người bị kiện: Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Đồng, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (xin vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Đồng, phường Ph, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T- Chủ tịch.

3.2. Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Địa chỉ: Số 153 đường 27/4, phường Phước Hiệp, thành phố B, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1985- Phụ trách Trạm quản lý bảo vệ rừng Tân Phước (có mặt)

- Ông Lê Trung K – Phó trưởng phòng (có mặt)

Địa chỉ: Số 153 đường 27/4, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

3.3. Ủy ban nhân dân phường P, thị xã P;

Địa chỉ: Phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn B, Chủ tịch UBND phường P (xin vắng mặt).

3.4. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Đồng, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc L, giám đốc (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch và UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Sở Tài nguyên và môi trường: Ông Nguyễn Tấn D-Trưởng phòng Chi cục quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường (có mặt).

Người kháng cáo: Người khởi kiện Ông Võ A

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 20/10/1998, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 949/QĐ-TTg về việc thu hồi 9.451.307,7m² đất tại xã Phước Hòa, thị trấn P, huyện T cho Công ty Xây dựng và Phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thuê đất để đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện T, trong đó có diện tích đất hộ Ông Võ A sử dụng.

Ngày 30/3/1999, nhà nước thực hiện kiểm kê hoa màu, vật kiến trúc và tài sản trên đất của gia đình Ông Võ A diện tích 22.086m² thuộc thửa 22,23,24,25 tờ bản đồ số 8.

Ngày 05/5/2000, UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành Quyết định số 1931/QĐ-UB về việc phê duyệt kinh phí đền bù và trợ cấp để giải tỏa thu hồi đất

của Ông Võ A xây dựng Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện T, theo đó diện tích giải tỏa là 21.786m² nhưng không bồi thường đất mà chỉ hỗ trợ về đất 1000 đồng /m² do toàn bộ diện tích đất giải tỏa 21.786m² nằm trong Dự án 595. Về hoa màu, vật kiến trúc thì chỉ bồi thường giếng đóng, cây dừa, còn lại không bồi thường bờ bao và ao kê.

Không đồng ý, từ năm 2000 Ông Võ A khiếu nại.

Ngày 23/7/2015, UBND thị trấn P ban hành Quyết định số 143/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ việc xác nhận của UBND phường P đối với các trường hợp xác nhận về nguồn gốc đất. Ngày 11/9/2015, UBND thị trấn P ban hành Quyết định số 181/QĐ-UBND về việc hủy xác nhận về nguồn gốc đất đối với 17 trường hợp, có gia đình Ông Võ A.

Ngày 10/8/2015, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu có Quyết định số 212/QĐ-STNMT về việc điều chỉnh sổ địa chính đối với 109 trường hợp do UBND thị trấn P xác nhận nguồn gốc đất không đúng quy định của pháp luật. Ngày 21/10/2015, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu có Quyết định số 280/QĐ-STNMT về việc điều chỉnh sổ địa chính đối với 16 trường hợp (bổ sung) do UBND thị trấn P xác nhận nguồn gốc đất không đúng quy định của pháp luật, trong đó có hộ Ông Võ A.

Ngày 30/3/2016, Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu ban hành quyết định số 698/QĐ-UBND trả lời khiếu nại với nội dung bác bỏ toàn bộ yêu cầu khiếu nại của Ông Võ A.

Không đồng ý, Ông Võ A khởi kiện quyết định số 698/QĐ-UBND tại Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Ngày 15/11/2017, Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu có Quyết định 3338/QĐ-UBND hủy Quyết định 698, vì: “Do có tình tiết mới chưa được xác minh, thể hiện trong quá trình khiếu nại, làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ việc”.

Do vậy, Ông Võ A rút đơn khởi kiện.

Ngày 29/11/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 26/QĐST-HC.

Tuy nhiên ngày 06/3/2018, UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu lại ban hành Quyết định số 622/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của Ông Võ A, theo đó tiếp tục bác khiếu nại của Ông Võ A yêu cầu bồi thường diện tích đất 21.768m², giữ nguyên Quyết định 1931.

Vì vậy, ngày 23/4/2018, Ông Võ A tiếp tục có đơn khởi kiện đối với Quyết định số 662/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Theo đơn kiện cũng như quá trình tố tụng tại Tòa án, Ông Võ A yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 1931/QĐ-UB ngày 05/5/2000 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Hủy Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 23/7/2015 của UBND thị trấn P.
- Hủy Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 11/9/2015 của UBND thị trấn P.
- Hủy Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Buộc UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bồi thường diện tích đất 21.768m² theo giá hiện hành; bồi thường toàn bộ tài sản, cây trồng, vật kiến trúc có trên đất theo Biên bản kiểm kê ngày 30/3/1999; buộc UBND Tỉnh thực hiện các chính sách hỗ trợ và tái định cư theo quy định của pháp luật.

Cơ sở khởi kiện: Năm 1976, hộ Ông Võ A khai phá, sử dụng diện tích đất 21.768m² tọa lạc tại xã Phước Hòa, Thị trấn P (nay là phường P). Quá trình khai phá không có giấy tờ gì, sử dụng vào việc trồng lúa. Năm 1987, tiến hành đào ao nuôi cá, trồng măng cầu, trồng dừa, ngày 17/8/1987 được Công ty dịch vụ kỹ thuật cây trồng thuộc UBND huyện Châu Thành cấp Sổ đăng ký hợp đồng đầu tư trồng mới thâm canh cây dừa với ông Võ Phát (cha Ông Võ A).

Ngày 22/8/1991, bà Châu Thị Hương (Mẹ Ông Võ A) được cấp Giấy xác nhận đã kê khai đăng ký sử dụng đất nông nghiệp, tuy nhiên giấy này không ghi diện tích, số tờ, số thửa, vị trí đất tọa lạc. Ngày 11/12/ 1991, được cấp Sổ kê khai diện tích và thu nộp thuế nông nghiệp, ngày 20/10/1997, được cấp Sổ thuế nông nghiệp gia đình cho hộ Ông Võ A.

Quá trình sử dụng, gia đình Ông Võ A có kê khai đăng ký có tên trong hồ sơ địa chính năm 1996, có đóng thuế hàng năm, năm 1986, 1987 gia đình Ông Võ A có làm chòi để trông coi đất, có giếng đóng trên đất, quá trình sử dụng gia đình Ông Võ A không ký hợp đồng trồng rừng với Ban quản lý rừng phòng hộ.

Đất do gia đình Ông Võ A khai phá từ năm 1976, sử dụng liên tục, ổn định, không ai tranh chấp. Có kê khai đăng ký, có tên trong Sổ địa chính. Như vậy, gia đình Ông Võ A thuộc trường hợp có giấy tờ về đất đai theo quy định. Do vậy, khi thu hồi thì gia đình Ông Võ A phải được bồi thường theo quy định pháp luật về đất đai.

UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thu hồi đất mà không bồi thường về đất cho gia đình Ông Võ A vì cho rằng diện tích đất thu hồi thuộc Dự án 595 là không đúng, vì:

- Toàn bộ quá trình khai phá, sử dụng Ông Võ A không bị ai ngăn cản, không ai cho rằng gia đình Ông Võ A sử dụng lấn, chiếm đất rừng, chính quyền không lập biên bản về việc Ông Võ A sử dụng đất rừng phòng hộ.

- Năm 1999, nhà nước lập biên bản kiểm kê vẫn xác định gia đình Ông Võ A là người sử dụng đất.

- Trên thực tế, nhà nước không quản lý đất rừng đối với toàn bộ diện tích Ông Võ A sử dụng, cũng không có ranh đất rừng phòng hộ, không công bố đất rừng phòng hộ theo quy định.

- Một số hộ sử dụng đất liền kề tương tự như hộ Ông Võ A khi thu hồi lại được bồi thường như hộ ông Võ Phụng, Võ Văn Vinh, Nguyễn Thị Tuyết Mai.

Như vậy, căn cứ Khoản 8 Điều 6 Nghị định 22/1998/NĐ-CP năm 1998 của Chính Phủ quy định điều kiện để được đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất, thì gia đình Ông Võ A đủ điều kiện để được bồi thường đất.

Theo Văn bản ý kiến số 9102/UBND-VP ngày 12/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, cũng như trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giữ nguyên quan điểm đã được nêu theo Quyết định số: 622/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 về việc giải quyết đơn khiếu nại của Ông Võ A, với lý do:

1. Về quá trình thành lập, quản lý rừng phòng hộ:

Ngày 25/12/1978, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 1814/QĐ-UBT về việc thành lập Lâm trường Châu Thành. Tại Quyết định này đã xác định cụ thể tổng diện tích đất rừng (17.978 ha, phần rừng sát có diện tích là 5.120ha), diện tích đất từng khu vực.

Ngày 23/6/1990, UBND huyện Châu Thành ban hành Quyết định số 777/QĐ-UBT tách bộ phận quản lý rừng được và toàn bộ diện tích quy hoạch rừng được thuộc Lâm trường Châu Thành sát nhập vào Công ty Thủy sản huyện và đổi tên thành Công ty nuôi trồng thủy sản huyện Châu Thành.

Ngày 25/11/1992, UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành Quyết định số 754/QĐ-UBT về việc thành lập khu rừng phòng hộ Long Hương-Mỹ Xuân.

Ngày 04/5/1993, UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành Quyết định số 595/QĐ-UBT về việc phê duyệt dự án xây dựng rừng phòng hộ ven biển Long Hương-Mỹ Xuân, huyện Châu Thành.

Ngày 23/10/1993, UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành Quyết định số 659/QĐ-UBT về việc thành lập Ban Quản lý dự án 595 tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Xây dựng rừng phòng hộ ven biển Long Hương - Mỹ Xuân, huyện T).

Trên cơ sở Quyết định số 1814/QĐ-UBT của UBND tỉnh Đồng Nai nêu trên, ngày 07/6/1994, UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã ban hành Quyết định số 973/QĐ-UBT về việc giao 4.532ha đất tại khu vực Long Hương - Mỹ Xuân, huyện Châu Thành cho dự án 595 để triển khai xây dựng rừng phòng hộ ven biển Long Hương - Mỹ Xuân theo chương trình 327.

Ngày 03/4/1998, UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành Quyết định số 773/QĐ-UB về việc phê duyệt dự án đầu tư: Rừng phòng hộ ven biển Vũng Tàu - Tân Thành (theo chương trình 327).

Ngày 12/3/2002, UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành Quyết định số 1591/QĐ-UB về việc thành lập Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Ngày 06/5/2011, UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành Quyết định số 1009/QĐ- UBND về việc phê duyệt công trình xác định ranh giới mốc thực địa dự án rừng phòng hộ ven biển Long Hương - Mỹ Xuân, huyện T.

Ngày 22/5/2012, UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành Quyết định số 993/QĐ-UBND về việc bổ sung Điều 1 Quyết định số 1009/QĐ-UBND.

Quá trình xác lập ranh giới đất rừng phòng hộ từ năm 1978 đến năm 2011:

Năm 1999, Phân viện quy hoạch rừng II là đơn vị có chức năng lập và hoàn thành Bản đồ hiện trạng rừng tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tỷ lệ 1/50.000, đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ký xác nhận tháng 8/1999. Bản đồ này là sản phẩm của việc điều tra chi tiết-phản ánh hiện trạng về loại đất, hiện trạng cây trồng của toàn bộ khu đất rừng phòng hộ trên địa bàn toàn tỉnh nói chung và của huyện T nói riêng - là sản phẩm cụ thể hóa sau khi UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phê duyệt chủ trương bằng Quyết định số 973/QĐ-UBT ngày 07/6/1994.

Trên cơ sở Bản đồ hiện trạng rừng tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tỷ lệ 1/50.000 nêu trên, Trung tâm nghiên cứu Ứng dụng và Công nghệ thông tin thuộc Công ty đo đạc Địa chính công trình - Bộ Tài nguyên và Môi trường đã triển khai đo đạc, cắm mốc lập Bản đồ ranh giới dự án 595 tỷ lệ 1/6.000, được các đơn vị liên quan ký xác nhận tháng 11/1999.

Trên cơ sở Bản đồ ranh giới dự án 595 tỷ lệ 1/6000 năm 1999, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã lập Bản đồ hiện trạng sử dụng đất rừng phòng hộ tỷ lệ 1/5.000 kèm theo Quyết định số 1009/QĐ- UBND ngày 06/5/2011 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc phê duyệt công trình xác định ranh giới mốc thực địa dự án rừng phòng hộ ven biển Long Hương-Mỹ Xuân, huyện T và Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 22/5/2012 của UBND tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu về việc bổ sung Điều 1 Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 06/5/2011 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Như vậy, việc quản lý rừng của Nhà nước là liên tục từ năm 1978 cho đến thời điểm thu hồi đất; ranh giới rừng phòng hộ theo Bản đồ hiện trạng sử dụng đất rừng phòng hộ tỷ lệ 1/5.000 kèm theo Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 06/5/2011 và Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 22/5/2012 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu dựa trên cơ sở tọa độ đã được xác định tại Bản đồ hiện trạng rừng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tỷ lệ 1/50.000 và hồ sơ bàn giao kèm theo do Phân viện quy hoạch rừng II lập và hoàn thiện, được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ký xác nhận tháng 8/1999.

2. Đối với nội dung khiếu nại yêu cầu được bồi thường giá trị quyền sử dụng đất bị thu hồi theo giá đất hiện hành của Nhà nước:

Diện tích đất Ông Võ A khiếu nại thuộc thửa 138,139,140,160, tờ bản đồ số 8, thị trấn P, có nguồn gốc trước đây là rừng Chà Là. Năm 1986, bà Châu Thị Hường (mẹ Ông Võ A) canh tác trồng lúa, lên liếp, đắp đê trồng dừa năm

1987, có kê khai theo chỉ thị 12, có đóng thuế năm 1986 đến năm 1995, sau đó Ông Võ A tiếp tục đóng thuế đến năm 1998.

Trong quá trình sử dụng có đăng ký kê khai sử dụng đất đối với diện tích đất này (có tên trong Sổ mục kê đất và Sổ Địa chính năm 1997), thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Tuy nhiên, việc cho các hộ dân đăng ký kê khai là không đúng quy định của pháp luật, do diện tích đất nằm trong rừng phòng hộ. Vì theo hồ sơ vụ việc thể hiện diện tích đất đang khiếu nại nằm trong tổng diện tích 17.978 ha đất rừng mà UBND tỉnh Đồng Nai đã giao cho Lâm trường Châu Thành quản lý từ năm 1978 theo Quyết định số 1814/QĐ-UBT ngày 25/12/1978 của UBND tỉnh Đồng Nai và đã được cơ quan chức năng quản lý liên tục cho đến nay.

Mặt khác, căn cứ Bản đồ hiện trạng sử dụng đất rừng phòng hộ tỷ lệ 1/5.000 (kèm theo Quyết định số 1009/QĐ- UBND ngày 06/5/2011 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc phê duyệt công trình xác định ranh giới mốc thực địa dự án rừng phòng hộ ven biển Long Hương-Mỹ Xuân, huyện T và Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 22/5/2012 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc bổ sung Điều 1 Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 06/5/2011 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu), thì diện tích khiếu nại của Ông Võ A đều nằm trong ranh giới đất rừng phòng hộ do Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh quản lý.

Do xác định việc trước đây UBND thị trấn P cho các hộ dân đăng ký kê khai trong hồ sơ địa chính diện tích đất trên là không đúng quy định của pháp luật, nên UBND thị trấn P đã ban hành 02 quyết định thu hồi, hủy bỏ việc xác nhận của UBND thị trấn P đối với các trường hợp xác nhận về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất của các hộ dân không đúng quy định của pháp luật. Trên cơ sở đó, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh cũng đã ban hành 02 quyết định về việc điều chỉnh sổ địa chính đối với 125 trường hợp (gồm 109 trường hợp và 16 trường hợp bổ sung) do UBND thị trấn P xác nhận nguồn gốc đất không đúng quy định của pháp luật (trong đó có hộ Ông Võ A).

Căn cứ quy định tại Điều 7 của Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ và Khoản 4 Điều 7 của Quyết định số 1124/2000/QĐ.UB ngày 10/3/2000 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, thì Quyết định phê duyệt kinh phí đền bù số 1931/QĐ-UB ngày 05/5/2000 của UBND tỉnh với nội dung không phê duyệt bồi thường về đất cho hộ Ông Võ A là đúng pháp luật.

Do đó, nội dung Ông Võ A khiếu nại yêu cầu được bồi thường giá trị quyền sử dụng đất bị thu hồi theo giá hiện hành, là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

3. Đối với việc Ông Võ A so sánh một số hộ sử dụng đất tương tự như hộ Nguyễn Thị Tuyết Mai, hộ Võ Văn Trinh, hộ Võ Phụng: Các hộ này sử dụng đất ngoài ranh giới đất rừng phòng hộ, đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất hoặc đủ điều kiện cấp giấy theo quy định của pháp luật. Do vậy, căn cứ Điều 6 của Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ thì đủ điều kiện được bồi thường.

4. Đối với nội dung khiếu nại yêu cầu được bồi thường tài sản và cây trồng trên đất theo biên bản kiểm kê năm 1999:

Căn cứ Biên bản kiểm kê ngày 30/3/1999 của hộ Ông Võ A, thể hiện:

- Về hoa màu, cây cối: 01 cây dừa loại C (đã được phê duyệt đền bù tại Quyết định số 1931/QĐ-UB ngày 05/5/2000 của UBND tỉnh).

- Vật kiến trúc gồm có:

+ 01 giếng đóng, 01 hồ xi măng (0,5m X 0,5m) (đã được phê duyệt đền bù tại Quyết định số 1931/QĐ-UB ngày 05/5/2000 của UBND tỉnh).

+ Bờ bao và ao nước: (Không được phê duyệt đền bù tại Quyết định số 1931/QĐ-UB ngày 05/5/2000 của UBND tỉnh), lý do:

Diện tích 21.786m² đất của Ông Võ A là đất nông nghiệp không hợp pháp (đất nằm trong rừng phòng hộ do Ban Quản lý rừng phòng hộ quản lý), đồng thời không có giấy phép đăng ký nuôi trồng thủy sản với cơ quan có thẩm quyền, không có xác nhận có nuôi trồng thủy sản tại biên bản kiểm kê và xác nhận của chính quyền địa phương. Do đó, căn cứ Phụ lục 05 ban hành kèm theo Quyết định số 3619/1999/QĐ.UB ngày 08/7/1999 của UBND tỉnh, thì hộ Ông Võ A không đủ điều kiện để được bồi thường bờ bao và ao nước theo biên bản kiểm kê ngày 30/3/1999.

5. Đối với Sổ đăng ký hợp đồng đầu tư trồng mới thâm canh cây dừa đứng tên ông Võ Phát (cha của Ông Võ A), Sổ kê khai diện tích và thu nộp thuế nông nghiệp của UBND xã Phú Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 01/11/1991, Giấy xác nhận đã kê khai đăng ký sử dụng đất nông nghiệp cấp ngày 22/8/1991, Sổ thuế nông nghiệp gia đình số 0013 ngày 20/10/1997, thì đều không ghi diện tích, vị trí tọa lạc, nên không có cơ sở khẳng định có liên quan đến diện tích đất 21.786m².

Từ nội dung trên, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Theo Văn bản ý kiến số 4811/STNMT-CCQLĐĐ ngày 06/9/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường:

Qua rà soát đối với các trường hợp sử dụng đất của các hộ dân với ranh giới đất rừng phòng hộ, thì việc sử dụng đất của các hộ (có Ông Võ A) là không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận QSD đất do sử dụng đất nằm trong ranh giới đất rừng phòng hộ.

Trên cơ sở UBND thị trấn P đã có Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 23/7/2015 và Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 11/9/2015 về việc thu hồi, hủy bỏ việc xác nhận của UBND thị trấn P đối với nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của các hộ dân không đúng quy định của pháp luật, trong đó có hộ Ông Võ A.

Do vậy, ngày 10/8/2015, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu có Quyết định số 212/QĐ-STNMT về việc điều chỉnh sổ địa chính đối với

109 trường hợp do UBND thị trấn P xác nhận nguồn gốc đất không đúng quy định của pháp luật.

Ngày 21/10/2015, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu có Quyết định số 280/QĐ-STNMT về việc điều chỉnh sổ địa chính đối với 16 trường hợp (bổ sung) do UBND thị trấn P xác nhận nguồn gốc đất không đúng quy định của pháp luật, trong đó có hộ Ông Võ A.

Như vậy, việc Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định số 212/QĐ-STNMT và Quyết định số 280/QĐ-STNMT nêu trên là đúng trình tự, thủ tục, hình thức và thẩm quyền theo quy định tại Quyết định số 499/QĐ-ĐC ngày 27/7/1995 của Tổng cục địa chính.

Việc Ông Võ A yêu cầu hủy Quyết định số 212/QĐ-STNMT và Quyết định số 280/QĐ-STNMT là không có cơ sở. Đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của Ông Võ A.

Tại Bản án 11/2019/HC-ST ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ các Điều 6, 7, 16 Nghị định 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Võ A đối với “Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại của Ông Võ A (lần đầu); Quyết định 1931/QĐ-UB ngày 05/5/2000 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc phê duyệt kinh phí đền bù và trợ cấp để giải tỏa thu hồi đất của hộ Ông Võ A xây dựng khu công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện T; Quyết định số 143 và 181/QĐ-UBND cùng ngày 11/9/2015 của UBND thị trấn P về việc thu hồi, hủy bỏ việc xác nhận của UBND thị trấn P đối với trường hợp (bổ sung) xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng đất không đúng qui định của pháp luật đối với diện tích đất rừng phòng hộ đứng tên Ông Võ A; Quyết định số 212/2015/QĐ-STNMT ngày 10/8/2015 và 280/QĐ-STNMT ngày 21/10/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc điều chỉnh sổ địa chính đối với trường hợp do UBND thị trấn P xác nhận nguồn gốc đất không đúng quy định của pháp luật đối với diện tích đất rừng phòng hộ đứng tên Ông Võ A; buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bồi thường diện tích đất 21.768m² theo giá hiện hành, bồi thường toàn bộ tài sản, cây trồng, vật kiến trúc có trên đất theo Biên bản kiểm kê ngày 30/3/1999, thực hiện các chính sách hỗ trợ và tái định cư theo quy định của pháp luật”.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 08/4/2019 người khởi kiện Ông Võ A kháng cáo yêu cầu toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Luật sư Nguyễn Công H đề nghị sửa bản án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện lý do: Về tố tụng: Ủy ban tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu không ra quyết định thu hồi đất theo quy định tại Điều 21 Luật đất đai mà đã giao cho Công ty Xây dựng và phát triển đô thị là không đúng quy định. Về nội dung: Khi thu hồi đất của Ông Võ A không bồi thường thiệt hại về đất mà chỉ thực hiện chính sách hỗ trợ là không đúng quy định tại Điều 27 Luật đất đai năm 1993 và Điều 6 Nghị định 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ. Trường hợp của Ông Võ A sử dụng ổn định trước năm 1988, sử dụng liên tục, không có tranh chấp và thực hiện nghĩa vụ tài chính đầy đủ cho Nhà nước nên phải được bồi thường theo quy định. Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cho rằng toàn bộ diện tích đất của Ông Võ A là rừng phòng hộ nên không đủ điều kiện bồi thường thiệt hại về đất là trái quy định.

Luật sư Lê Thị Công D có ý kiến: Việc thành lập Lâm trường Châu Thành theo số 1814/QĐ-UBND ngày 25/12/1978 chỉ trên giấy tờ thực tế không có hoạt động nên cho rằng nhà nước quản lý đất từ năm 1978 đến nay là không đúng. Ủy ban không đưa ra được căn cứ nào để thành lập lâm trường. Quyết định 1814 chưa thực hiện việc cắm ranh, mốc, chưa có bản đồ ranh giới chỉ xác định ranh giới có 4 tọa độ nên không có căn cứ cho rằng đất Ông Võ A khi đó thuộc đất rừng phòng hộ.

Ông Nguyễn Tấn D có ý kiến: Việc sử dụng đất của Ông Võ A không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận do đất sử dụng nằm trong ranh giới đất rừng phòng hộ. Do đó nên khi thu hồi Ông Võ A không được bồi thường thiệt hại về đất theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:
biểu: Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử phúc thẩm vụ án theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung: Khu đất của ông Anh đang sử dụng nằm trong tổng diện tích 17.978 ha đất rừng mà UBND tỉnh Đồng Nai bàn giao cho Lâm trường Châu Thành quản lý từ năm 1978 theo Quyết định thành lập Lâm trường Châu Thành số 1814/QĐ-UBND ngày 25/12/1978. Năm 2012 có sơ đồ điều chỉnh theo Quyết định 993/QĐ-UBND ngày 22/5/2012 của UBND tỉnh xác định đúng tọa độ, ranh giới đất rừng theo Quyết định 1814, được lồng ghép theo sơ đồ đăng ký đất đai của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh đã chứng minh được diện tích đất của ông Anh sử dụng thuộc rừng phòng hộ. Do đó, Ông Võ A buộc UBND tỉnh bồi thường về đất đối với diện tích đất bị thu hồi là không đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Người khởi kiện kháng cáo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hành chính nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quy định của pháp luật

[2] Về nội dung:

Theo Sơ đồ lồng ghép lập ngày 20/02/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh, thì diện tích đất thu hồi của Ông Võ A các thửa 22,23,24 với tổng diện tích 21.786m² thuộc đất rừng phòng hộ, do nhà nước quản lý, nằm trong tổng diện tích 17.978 ha đất rừng mà UBND tỉnh Đồng Nai đã giao cho Lâm trường Châu Thành quản lý từ năm 1978 theo Quyết định số 1814/QĐ-UBT ngày 25/12/1978 (viết tắt là quyết định 1814) về việc thành lập Lâm trường Châu Thành.

Tại thời điểm ban hành Quyết định 1814 chưa thực hiện cắm ranh, cắm mốc, chưa có bản đồ ranh giới rừng phòng hộ, đến năm 1999 mới hoàn thành Bản đồ hiện trạng rừng tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tỷ lệ 1/50.000, đến năm 2011 có sơ đồ cắm ranh theo Quyết định 1009/QĐ-UBND ngày 06/5/2011 và năm 2012 có sơ đồ điều chỉnh theo Quyết định 993/QĐ-UBND ngày 22/5/2012 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xác định đúng với tọa độ, ranh giới đất rừng theo Quyết định 1814/QĐ-UBND ngày 25/12/1978 của UBND tỉnh Đồng Nai, được lồng ghép theo Sơ đồ ngày 20/02/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã chứng minh diện tích đất của Ông Võ A đang sử dụng thuộc rừng phòng hộ và việc quản lý đất rừng của Nhà nước là liên tục từ năm 1978 cho đến thời điểm thu hồi đất.

Theo các giấy tờ do Ông Võ A cung cấp, có nội dung “Năm 1987 gia đình Ông Võ A có làm “đơn xin đầu tư trồng mới thâm canh cây dừa tại khu rừng sát, tập đoàn 12”, thể hiện việc xin sử dụng đất Nhà nước quản lý. Xét thấy, việc sử dụng đất của Ông Võ A từ năm 1987 có sau thời điểm thành lập Lâm trường Châu Thành năm 1978. Tại Điều 7 Nghị định 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 quy định người không được đền bù thiệt hại về đất trong trường hợp: *Người bị thu hồi đất không có một trong các điều kiện theo quy định tại Điều 6 của Nghị định này hoặc tại thời điểm sử dụng đất vi phạm quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đã công bố hoặc vi phạm hành lang bảo vệ công trình, người chiếm đất trái phép, thì khi Nhà nước thu hồi đất không được đền bù thiệt hại về đất. Trong trường hợp xét thấy cần hỗ trợ thì ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét quyết định đối với từng trường hợp cụ thể.*”. Như vậy đối với diện tích đất nằm trong ranh đất rừng phòng hộ, dù hộ Ông Võ A sử dụng ổn định, liên tục từ năm 1987 và có tên trong hồ sơ địa chính tại thời điểm thu hồi (đến năm 2015 đã điều chỉnh ra khỏi sổ địa chính), tuy nhiên thời điểm sử dụng đất là sau thời điểm thành lập Lâm trường Châu Thành nên khi thu hồi không được đền bù thiệt hại về đất là có căn cứ theo quy định tại Điều 7 Nghị định 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ.

Quyết định số 1931/QĐ-UBND ngày 05/5/2000 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, theo đó đều không chấp nhận yêu cầu của Ông Võ A về việc bồi thường đối với diện tích đất thu hồi 21.786m² là có căn cứ.

Trên cơ sở đó, Quyết định số 143 và số 181/QĐ-UBND cùng ngày 11/9/2015 của UBND thị trấn P về việc thu hồi, hủy bỏ việc xác nhận của UBND thị trấn P đối với trường hợp (bổ sung) xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng đất không đúng quy định của pháp luật đối với hộ Ông Võ A; Quyết định số 212/2015/QĐ-STNMT ngày 10/8/2015 và số 280/QĐ-STNMT ngày 21/10/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc điều chỉnh sổ địa chính đối với các trường hợp do UBND thị trấn P xác nhận nguồn gốc đất không đúng quy định của pháp luật đối với diện tích đất rừng phòng hộ đứng tên hộ Ông Võ A, là đúng pháp luật.

Do vậy, về yêu cầu của Ông Võ A “buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bồi thường diện tích đất 21.768m² theo giá hiện hành, bồi thường toàn bộ tài sản, cây trồng, vật kiến trúc có trên đất theo Biên bản kiểm kê ngày 30/3/1999, thực hiện các chính sách hỗ trợ và tái định cư theo quy định của pháp luật” không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Võ A là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do Ông Võ A là hộ cận nghèo nên được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Võ A; giữ nguyên quyết định Bản án hành chính sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Điều 6, 7, 16 Nghị định 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ.

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Võ A đối với “Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại của Ông Võ A (lần đầu); Quyết định 1931/QĐ-UB ngày 05/5/2000 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc phê duyệt kinh phí đền bù và trợ cấp để giải tỏa thu hồi đất của hộ Ông Võ A xây dựng khu công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện T; Quyết định số 143 và số 181/QĐ-UBND cùng ngày 11/9/2015 của UBND thị trấn P về việc thu hồi, hủy bỏ việc xác nhận của UBND thị trấn P đối với trường hợp (bổ sung) xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng đất không đúng quy định của pháp luật đối với diện tích đất rừng phòng hộ đứng tên hộ Ông Võ A; Quyết định số 212/2015/QĐ-STNMT ngày

10/8/2015 và số 280/QĐ-STNMT ngày 21/10/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc điều chỉnh sổ địa chính đối với trường hợp do UBND thị trấn P xác nhận nguồn gốc đất không đúng quy định của pháp luật đối với diện tích đất rừng phòng hộ đứng tên Ông Võ A; buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu bồi thường diện tích đất 21.768m² theo giá hiện hành, bồi thường toàn bộ tài sản, cây trồng, vật kiến trúc có trên đất theo Biên bản kiểm kê ngày 30/3/1999, thực hiện các chính sách hỗ trợ và tái định cư theo quy định của pháp luật”.

2. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

3. Án phí phúc thẩm: Ông Võ A được miễn án phí.

Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Đường sự;
- Lưu: HS, VP. (16)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Huyền Vân